

## MỘT SỐ DẪN LIỆU VỀ SINH HỌC SINH THÁI LOÀI CÚ LỌN LUNG NÂU *Tyto longimembris* TẠI KHU VỰC BÃI GIỮA SÔNG HỒNG – HÀ NỘI

LÊ MẠNH HÙNG

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

VƯƠNG TIẾN MẠNH

*Cơ quan CITES, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*

Cú lợn lung nâu *Tyto longimembris* được xác định là loài chim định cư hiếm nằm trong họ Cú lợn *Tytonidae*, bộ Cú *Strigiformes* [9,10]. Tại Việt Nam loài này được ghi nhận ở các vùng Đông Bắc, trung, nam Trung Bộ và Nam Bộ [7,9]. Sinh cảnh sống của Cú lợn lung nâu chỉ giới hạn trong các khu vực tồn tại các loại trảng cỏ cao [9]. Hiện nay, sinh cảnh trảng cỏ tại Việt Nam đang ngày một bị thu hẹp với các hình thức chuyển đổi sang các mục đích phát triển nông nghiệp (trồng lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy sản), công nghiệp (xây dựng nhà máy, xí nghiệp), đô thị hoá (nhà ở). Cú lợn lung nâu là 1 trong số ít các loài Cú được ghi nhận trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) ở cấp độ Sẽ nguy cấp - VU [1]. Ngoài ra, hiện chưa hề có bất kỳ nghiên cứu liên quan đến sinh học, sinh thái của loài này tại Việt Nam. Nhận thức được vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành điều tra, nghiên cứu, giám sát loài Cú lợn lung nâu nhằm cung cấp thông tin liên quan nhằm đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển quần thể loài chim hiếm này tại Việt Nam.

### I. TƯ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được tiến hành trong 3 mùa sinh sản từ năm 2011-2014 tại khu vực bãi giữa Sông Hồng thuộc các huyện Đan Phượng (xã Liên Hồng, Liên Hà), quận bắc Từ Liêm (phường Thượng Cát), quận Tây Hồ (phường Nhật Tân, Tứ Liên, Phú Thượng, An Dương).

Việc nghiên cứu được tiến hành thông qua các bước như sau:

- Điều tra xác định các sinh cảnh thích hợp còn tồn tại dọc hai bờ Sông Hồng.
- Phỏng vấn dân cư địa phương về sự hiện diện của loài
- Điều tra thực địa xác định vị trí làm tổ.

Sau khi xác định được vị trí các tổ, tiến hành trực tiếp giám sát, ghi nhận mọi thông tin liên quan đến sinh học, sinh thái của loài cũng như bảo vệ tổ trong suốt quá trình sinh sản. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến quá trình sinh sản của loài, việc ghi nhận thông tin được tiến hành 3 ngày/lần. Thời gian quan sát, ghi nhận từ 10-11h30 sáng và 16-18h chiều (ngoài giờ làm việc của dân cư địa phương).

Mọi thông tin liên quan đến loài đều được ghi nhận cụ thể như: Vị trí, số lượng tổ, thời gian làm tổ, ấp trứng, nuôi con, trưởng thành, thức ăn, các tác động, đe dọa.

Kết quả điều tra, giám sát được sự trợ giúp của một số tình nguyện viên đến từ Tổ chức bảo tồn Quốc tế tại Hà Nội và thành viên Câu lạc bộ chim hoang dã Việt Nam. Sử dụng các loại máy ảnh Canon 30D, 7D, ống kính 400, 500 mm để chụp ảnh tổ, con non, cá thể trưởng thành, thức ăn, sinh cảnh trong suốt quá trình nghiên cứu.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

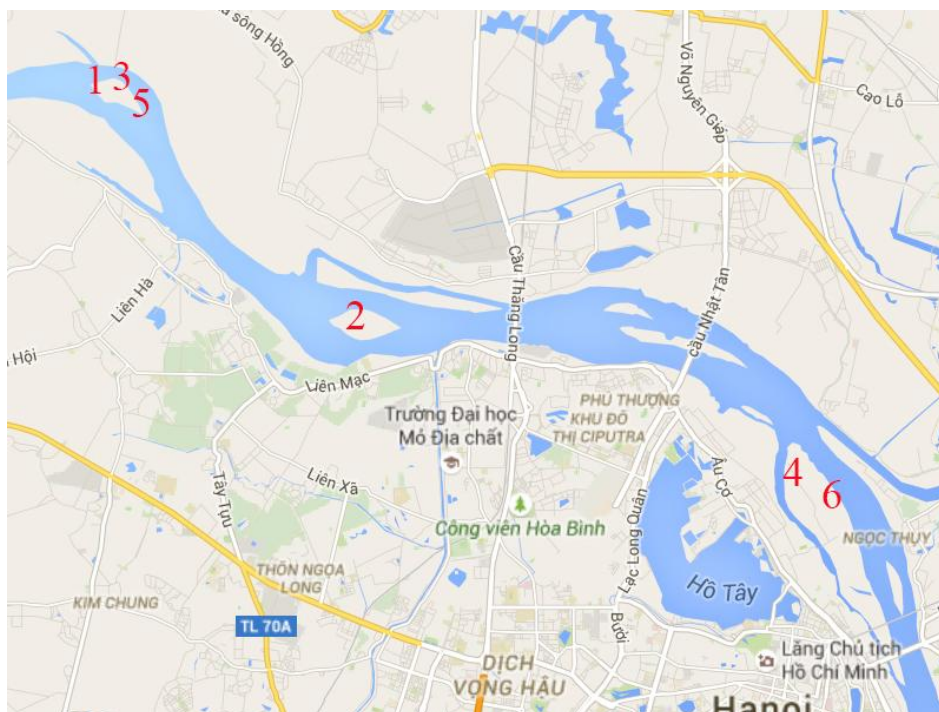
### 1. Sinh sản

#### 1.1. Vị trí, cách thức làm tổ

Tổng số 6 tổ đã được ghi nhận, giám sát trong vòng 3 năm, trong đó có 3 tổ nằm trong địa bàn các xã Liên Hà, Liên Hồng, huyện Đan Phượng, 2 tổ tại phường Tứ Liên, quận Tây Hồ và 1 tổ tại phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm (bảng 1, hình 1).

Tất cả các tổ ghi nhận được làm trên mặt đất, bên trong các bụi cỏ có độ cao từ 1-1,5 m, dưới tổ được lót lớp cỏ mỏng, tổ có 1 cửa ra vào. Tất cả các tổ được nằm sâu, giữa diện tích trảng cỏ lớn, khó tiếp cận.

Việc ghi nhận 6 tổ ở 6 vị trí khác nhau, trong vòng 3 năm cho thấy Cú lợn lưng nâu làm tổ mới trong mỗi mùa sinh sản. Các tổ nghiên cứu năm 2011, 2012 đã không được sử dụng lại.



Hình 1: Vị trí các tổ được xác định, giám sát từ năm 2011-2014 [3]

#### 1.2. Thời gian làm tổ, đẻ trứng, ấp trứng, nuôi con

Chúng tôi nhận thấy thời gian làm tổ của tất cả 6 tổ là khác nhau, tổ làm sớm nhất được ghi nhận vào đầu tháng 9 và muộn nhất vào cuối tháng 1. Số lượng trứng mỗi lần đẻ là khác nhau nhưng không nhiều, 50% ghi nhận đẻ 6 trứng còn lại là 7, 5 và 4 trứng (16,66%) (bảng 1). Thời gian ấp trứng được xác định trong khoảng từ 40-42 ngày. Thời gian nuôi dưỡng từ con non đến khi trưởng thành dao động từ 55-60 ngày, tùy thuộc vào số lượng trứng và con non. Chúng tôi nhận thấy với các tổ có 4-5 trứng, thời gian nuôi dưỡng từ con non đến khi trưởng thành là 55 ngày, đối với các tổ có 6-7 con non thời gian là 58-60 ngày.

Cả hai cá thể đực và cái đều tham gia quá trình ấp trứng, tuy nhiên thời gian cụ thể không được ghi nhận do người điều tra tránh các tác động tiêu cực đến quá trình sinh sản của loài.

Bảng 1

**Các tổ được tiến hành nghiên cứu từ năm 2011-2014**

| Số tổ | Thời gian  | Địa điểm                            | Vị trí                      | Số lượng trứng | Số lượng con non | Số lượng trưởng thành | Ghi chú                       |
|-------|------------|-------------------------------------|-----------------------------|----------------|------------------|-----------------------|-------------------------------|
| 1     | 19/11/2011 | Liên Hồng, Liên Hà huyện Đan Phượng | 21°13'62''N<br>105°70'77''E | 07             | 06               | 06                    | 01 con non chết sau 2 tuần nở |
| 2     | 09/12/2011 | Thượng Cát, Bắc Từ Liêm             | 21°09'47''N<br>105°75'85''E | 05             | 05               | 05                    |                               |
| 3     | 8/1/2012   | Liên Hồng, Liên Hà huyện Đan Phượng | 21°13'22''N<br>105°71'86''E | 06             | 06               | 06                    |                               |
| 4     | 20/10/2013 | Tứ Liên, Tây Hồ                     | 21°07'33''N<br>105°84'01''E | 04             | 04               | 04                    |                               |
| 5     | 12/09/2013 | Liên Hồng, Liên Hà huyện Đan Phượng | 21°13'23''N<br>105°71'92''E | 06             | 06               | 06                    |                               |
| 6     | 14/2/1014  | Tứ Liên, Tây Hồ                     | 21°06'66''N<br>105°84'73''E | 06             | 06               | 06                    |                               |

Một số nghiên cứu trước đây xác định thời gian sinh sản của Cú lợn lưng nâu là từ tháng 10-2 [9], tuy nhiên, nghiên cứu đã cho thấy thời gian sớm nhất được ghi nhận là từ cuối tháng 8 và kết thúc (khi con non rời tổ, biết bay) là đầu tháng 4. Tỷ lệ sinh sản thành công được ghi nhận rất cao, lên đến 97% (bảng 1).

Quan sát cho thấy thời gian nở của các cá thể là khác nhau, đối với các tổ đẻ từ 6-7 trứng, thời gian nở giữa cá thể đầu và cuối là 3-4 ngày, chính vì vậy trong khoảng từ 25-30 ngày sau khi nở các cá thể sinh ra trước có kích thước cơ thể lớn hơn rất nhiều so với các cá thể sinh sau. Tuy nhiên, vào khoảng 15-10 ngày trước khi rời tổ, kích thước của tất cả các con trong tổ là đồng đều, đạt kích thước tối đa và chỉ còn khác biệt nhau về màu lông.

**1.3 Thức ăn**

Nghiên cứu đã ghi nhận thời gian bắt đầu rời tổ kiếm ăn của bố mẹ là từ 6h45 chiều. Do hạn chế về số lượng người nghiên cứu cũng như khó khăn trong việc nghiên cứu ban đêm, tần suất kiếm ăn và thời gian kết thúc đã không được ghi nhận.

Quan sát các loại thức ăn thừa trong tổ cho thấy, thức ăn chủ yếu của loài là các loài chuột, ngoài ra còn ghi nhận châu, mọt, sọ của một số loài chim nhỏ và gà. Đặc biệt, nghiên cứu ghi nhận 1 sọ có kích thước lớn trong tổ, tạm thời xác định là của các loài cầy.

**2. Các mối đe dọa**

Mối đe dọa chính đối với Cú lợn lưng nâu được xác định là việc mất sinh cảnh sống. Phần lớn sinh cảnh sống của loài (trăng cò) được xác định nằm trong hai trạng thái khác nhau gồm các khu vực đất hoang (dọc bãi giữa Sông Hồng) và các khu vực đã nằm trong quy hoạch của thành phố. Chính vì vậy, đối với các khu vực hoang hoá, dân cư địa phương tiến hành cải tạo sinh cảnh này 1 cách tự do. Nghiên cứu trong 3 năm cho thấy, 80% sinh cảnh đã bị cải tạo thành

đất nông nghiệp, đặc biệt là tại các xã Liên Hồng, Liên Hà thuộc huyện Đan Phượng. Đối với diện tích nằm trong quy hoạch, hơn 50% sinh cảnh thích hợp đã bị cải tạo thành các khu đô thị, công nghiệp (phần lớn tại các huyện Quốc Oai và quận Tây Hồ).

Mối đe dọa tiếp theo là ô nhiễm nguồn thức ăn. Hiện tại, các khu vực xung quanh tổ được dân cư địa phương canh tác nông nghiệp, việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu, diệt chuột sẽ trực tiếp nhiễm độc vào các nguồn thức ăn của loài. Quá trình nghiên cứu đã ghi nhận rất nhiều cá thể chuột bị chết xung quanh khu vực nghiên cứu.

Mối đe dọa cuối cùng là việc gây nhiễu loạn trong quá trình sinh sản. Hiện nay, do diện tích tồn tại sinh cảnh càng ngày bị thu hẹp, một số tổ ghi nhận tại phường Tứ Liên, quận Tây Hồ nằm rất gần với đường mòn dân sinh. Vào mùa sinh sản, mỗi khi có người dân qua lại, các cá thể mẹ đều bay ra khỏi tổ, tạo điều kiện để một số đối tượng phát hiện và phá hủy tổ, lấy trứng.

### III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu xác định thời gian sinh sản của Cú lợn lưng nâu là từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 4 năm sau. Tổ làm đơn giản trên mặt đất, trong các bụi cỏ cao, rậm. Các cá thể thường đẻ 4-7 trứng, tỉ lệ sinh sản thành công đạt 97%. Thời gian ấp trứng được xác định từ 40-42 ngày, thời gian nuôi con là 55-60 ngày. Thức ăn chính là các loài chuột, ngoài ra còn ghi nhận các loài chim nhỏ, gà nhỏ và cầy.

Các mối đe dọa được xác định gồm mất sinh cảnh sống, ô nhiễm nguồn thức ăn và nhiễu loạn trong quá trình sinh sản.

Đây là ghi nhận, nghiên cứu đầu tiên về sinh sản của loài Cú lợn lưng nâu, một trong số 3 loài Cú được liệt kê trong Sách Đỏ Việt Nam, chính vì vậy trong thời gian tới cần triển khai một số hoạt động nhằm bảo vệ, bảo tồn loài chim hiếm này:

Cần tiếp tục theo dõi, nghiên cứu để có thêm thông tin sâu hơn, đầy đủ hơn về sinh sản, sinh học, sinh thái của loài. Ngay lập tức xây dựng các phương án bảo vệ tổ trong mùa sinh sản.

Cần xây dựng, triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương về tầm quan trọng, giá trị phải bảo vệ loài, một trong những loài nằm tại vị trí quan trọng trong chuỗi thức ăn.

Về lâu dài cần kiến nghị cho các cơ quan quản lý địa phương kiểm soát chặt hơn việc khai thác sử dụng đất bãi, đặc biệt tại các diện tích còn tồn tại sinh cảnh trảng cỏ. Đối với các diện tích đã cải tạo thành đất nông nghiệp cần hạn chế việc sử dụng các loại thuốc diệt cỏ, diệt chuột, tránh gây ô nhiễm đến nguồn thức ăn của loài.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam (phần Động vật). Nxb. KHTN & CN, 515 trang.
2. **Lê Mạnh Hùng**, 2011. Kết quả giám sát các loài chim di cư tại Bãi giữa Sông Hồng, Hà Nội trong mùa di cư 2009-2010. Kì yếu hội nghị toàn quốc lần thứ 4 về Sinh thái và tài nguyên sinh vật. NXB Nông nghiệp, trang 558-564.
3. **Lê Mạnh Hùng**, 2012. Giới thiệu một số loài chim Việt Nam. Nxb. KHTN & CN, 585 trang.
4. **Nguyễn Cử, Lê Trọng Trái, Karen Phillipps**, 2000. Chim Việt Nam. Nxb. Lao động – Xã hội, Hà Nội, 250 trang.

5. **Robson, C. R.**, 2009. “A field guide to the birds of Thailand and South-East Asia”. New Holland. Fully updated, 544 pp.
6. **Võ Quý, Nguyễn Cử**, 1995. Danh lục Chim Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp.
7. <http://www.cites.org/eng/app/appendices.shtml>
8. <https://www.google.com/maps/place/Hanoi,+Ho%C3%A0n+Ki%E1%BA%BFm,+Hanoi,+Vietnam/@21.1155241,105.7375718,13z/data=!4m2!3m1!1s0x3135ab9bd9861ca1:0xe7887f7b72ca17a9>
9. [http://en.wikipedia.org/wiki/Eastern\\_grass\\_owl](http://en.wikipedia.org/wiki/Eastern_grass_owl)
10. <http://vietnambirdnews.blogspot.com/>

**SOME INFORMATION ON THE BREEDING OF EASTERN GRASS-OWL  
*Tyto longimembris* AT RED RIVER DELTAL, HANOI**

**LE MANH HUNG, VUONG TIEN MANH**

**SUMMARY**

Eastern Grass-Owl *Tyto longimembris* is identified as rare to scare resident in Vietnam at East Tonkin, Central, South Annam and Cochinchina [9]. This species is also listed in Vietnam Red Data Book under category as Vulnerable [1].

Between 2011-2014, the breeding of Eastern Grass-Owl have been surveyed and monitored along Red River which located in some districts of Hanoi city including Dan Phuong, North Tu Liem and Tay Ho.

Six nests have been monitored, the success breeding ratio is 97%. We have extend breeding time of the species (from late of August to beginning of April) [9]. The main threats have been identified including habitat destroy (converted to the agriculture land), foods poisoned and disturbance during breeding season. This is the first study about the breeding of this species in Vietnam.